TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 501/2023/DS-PT
Ngày 21-12-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 434/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 442/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1957; địa chỉ: số H, tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ: số B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Bé D, sinh năm 1989; địa chỉ: số B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Cháu Phan Nguyễn Bảo T, sinh năm 2012; địa chỉ: số B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phan Nguyễn Bảo T: Ông Phan Văn P, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Bé D, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: số B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (là cha, mẹ ruột), ông P và bà D có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Phan Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Phan Văn T1, sinh năm 1946 là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 177, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/12/2005. Cha mẹ của ông T1 là ông Phan Văn T2 (đã chết từ trước năm 1975, không có giấy chứng tử) và bà Nguyễn Thị M (đã chết từ trước năm 1975, không có giấy chứng tử). Quá trình chung sống, bà L và ông T1 không có con chung, ông T1 có 01 người con riêng tên Phan Văn P. Ông T1 cũng không có con riêng, con nuôi nào khác.

Bà L và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2005 đến năm 2013 tại khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Năm 2013, do xảy ra mâu thuẫn với ông P nên bà L chuyển về nhà của bà L tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống. Quá trình chung sống, bà L và ông T1 không tạo lập được tài sản chung. Tài sản riêng của ông T1 gồm có: 01 căn nhà cấp IV có diện tích 160m^2, có kết cấu tường gạch, nền gạch men, xây tô được xây dựng trên phần đất có diện tích 219m^2 thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0008 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho ông Phan Văn T1 vào ngày 22/3/2005. Nguồn gốc tài sản do ông T1 nhận tiền đền bù do thu hồi đất trước đây và mua phần đất này.

Ngày 18/8/2020, ông Phan Văn T1 chết được khai tử theo Giấy chứng tử số 70 ngày 25/8/2020. Ông T1 chết không để lại di chúc, sau khi ông T1 chết thì ông P quản lý toàn bộ di sản do ông T1 để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn T1 có bà L và ông Phan Văn P nhưng bà L và ông P không thoả thuận được về việc chia di sản của ông T1 theo quy định của pháp luật.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Yêu cầu Tòa án xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn T1 gồm có bà Nguyễn Thị Cẩm L (vợ ông T1) và ông Phan Văn P (con riêng ông T1).

Xác định một căn nhà cấp IV có diện tích 160m^2 có kết cấu: tường gạch, nền gạch men, xây tô gắn liền với diện tích 219m^2 thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0008 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho ông Phan Văn T1 ngày 22/3/3005 là di sản của ông Phan Văn T1.

+ Yêu cầu chia di sản của ông Phan Văn T1 theo quy định pháp luật, bà L yêu cầu được chia giá trị ½ di sản là căn nhà cấp IV và quyền sử dụng đất có diện tích 219m^2 thuộc thửa đất số 579.

Bà L thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, không có ý kiến gì khác.

- *Bị đơn ông Phan Văn P trình bày:*

Ông Phan Văn P là con của ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ánh . Cha mẹ của ông T1 là ông Phan Văn T2 (đã chết từ trước năm 1975, không có giấy chứng tử)

và bà Nguyễn Thị M (đã chết từ trước năm 1975, không có giấy chứng tử). Cha mẹ của bà Á là ông Nguyễn Văn D1 (chết năm 1979, không có giấy chứng tử) và bà Lương Thị C (chết khoảng năm 2000, không có giấy chứng tử). Ngoài ra, ông T1 và bà Á không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác.

Nguồn gốc phần nhà và đất mà bà L tranh chấp: năm 2004, gia đình ông P cư ngụ trong khu vực phải giải tỏa trắng để xây dựng khu liên hợp – dịch vụ thành phố mới Bình Dương và được nhận tiền đền bù. Ngày 17/01/2005, gia đình ông T1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn M1 để nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 219m^2 với giá chuyển nhượng là 80.000.000 đồng. Ông T1 và bà Nguyễn Thị Á1 (mẹ ông P - đã chết ngày 05/3/2005) nhận tiền đền bù và dùng số tiền đó mua lại phần đất trên (lúc mua đất đặt cọc, ký hợp đồng bà Á1 vẫn còn sống nhưng do đang bị bệnh nặng nên không thể đứng ký hợp đồng) và hơn nữa hợp đồng ký bên mua là ông P và ông T1 cùng ký. Sau khi mua đất thì ông T1 xây dựng nhà như hiện nay. Ông P sống cùng cha mẹ từ khi sinh ra đến khi ông T1 mất. Năm 2011, ông P kết hôn với bà Nguyễn Thị Bé D và cùng sống chung với ông T1 tại căn nhà nêu trên. Hiện căn nhà và đất do ông P cùng vợ con đang quản lý, sử dụng. Bà L và ông T1 không có chung sống với nhau tại phần đất tranh chấp nêu trên chỉ qua lại giữa nhà ông T1 và nhà bà L, do phần nhà đất trên do ông T1 và vợ chồng ông P sinh sống. Do đó, việc bà L cho rằng đã chung sống với ông T1 tại căn nhà trên từ năm 2005 đến năm 2013 là không đúng.

Đến ngày 18/8/2020, ông Phan Văn T1 đã chết và được cấp Giấy chứng tử số 826/TLKT-BS, ông P là con duy nhất của ông Phan Văn T1 lo hậu sự và sau đó tiến hành lập các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất do ông T1 để lại. Trong quá trình lập các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số 579 có phát sinh một số giấy tờ, chứng từ sau: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Tân Vĩnh Hiệp cấp số 85/UBND-XNTTHN ngày 23/8/2020, xác nhận tình trạng hôn nhân của ông Phan Văn T1 với nội dung "*Có đăng ký kết hôn nhưng vợ đã chết theo giấy chứng tử số 13/2008 do UBND xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/3/2008; hiện chưa đăng ký kết hôn với ai*", Công văn số 71/VPCC ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng C1 về việc đề nghị cung cấp thông tin tình trạng hôn nhân của ông Phan Văn T1 thì ông P đã cập nhập các loại giấy tờ trên để phục vụ cho việc chuyển quyền sử dụng đất nêu trên nhưng khi liên hệ đến Ủy ban nhân dân phường T thì được cán bộ phụ trách trả lời miệng rằng bà L nào đó đang có tranh chấp quyền thừa kế nên ông P không thể chuyển quyền sử dụng đất được, do ít học và cũng không có thời gian để tiếp tục lo vụ này nên ông P đã để lại không thực hiện nữa.

Tài sản ông T1 để lại phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của cha mẹ ông P đã có công lao động để mua và việc phát sinh các quyền liên quan đến tài sản ấy trong lúc cha mẹ ông P vẫn sống cùng nhau (bà Á1 chết sau khi hợp đồng mua bán đã ký). Quyền sử dụng đất bà L yêu cầu hưởng thừa kế là tài sản duy nhất của cha mẹ ông P để lại sau khi chết và căn nhà là nơi ông P đang thờ cúng cha mẹ. Ông P xác định phần tài sản trên là của cha mẹ ông P để lại, không liên quan đến bà L. Do đó, ông P không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ông P thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé D đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu Phan Nguyễn Bảo T trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của ông P, không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L đối với bị đơn ông Phan Văn P về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Xác định ½ quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất 219m^2 (đo đạc thực tế là 205,6m^2) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế của ông Phan Văn T1 để lại.

Chia di sản thừa kế của ông Phan Văn T1 như sau: Chia cho ông Phan Văn P được quyền quản lý, sử dụng di sản của ông T1 để lại là ½ quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất 219m^2 (đo đạc thực tế là 205,6m^2) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông Phan Văn P có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 281.059.564 đồng.

Giao cho ông Phan Văn P được quyền quản lý, sử dụng phần quyền sử dụng đất diện tích 219m^2 (đo đạc thực tế là 205,6m^2) thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 toạ lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Phan Văn P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L đối với bị đơn ông Phan Văn P về việc yêu cầu chia ½ giá trị phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2023, bị đơn ông Phan Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Tổng giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá ngày 03/8/2023 là 1.405.297.820 đồng, trong đó: giá trị đất là 1.028.000.000 đồng, nhà cấp IV và các công trình khác trên đất là 377.297.820 đồng, phần di sản ông T1 để lại có giá trị là 702.648.910 đồng. Bà L tự nguyện không nhận phần giá trị kỷ phần đối với nhà cấp IV và các công trình khác trên đất.

Ông Phan Văn P thanh toán giá trị kỷ phần đất cho bà Nguyễn Thị Cẩm L với số tiền là 206.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Tổng giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá ngày 03/8/2023 là 1.405.297.820 đồng, trong đó: giá trị đất là 1.028.000.000 đồng, nhà cấp IV và các công trình khác trên đất là 377.297.820 đồng, phần di sản ông T1 để lại có giá trị là 702.648.910 đồng. Bà L tự nguyện không nhận phần giá trị kỷ phần đối với nhà cấp IV và các công trình khác trên đất. Ông Phan Văn P thanh toán giá trị kỷ phần đất cho bà Nguyễn Thị Cẩm L với số tiền là 206.000.000 đồng.

[2] Xét thấy, thỏa thuận của các bên tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn P là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, nguyên đơn bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 7.465.600 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 157, 165, Điều 300 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 609, 611, 613, 616, 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn P;

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Xác định ½ quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất 219m^2 (đo đạc thực tế là 205,6m^2) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế của ông Phan Văn T1 để lại.

Chia di sản thừa kế của ông Phan Văn T1 như sau: Chia cho ông Phan Văn P được quyền quản lý, sử dụng di sản của ông T1 để lại là ½ quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất 219m^2 (đo đạc thực tế là 205,6m^2) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ông Phan Văn P có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Cẩm L số tiền 206.000.0000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giao cho ông Phan Văn P được quyền quản lý, sử dụng phần quyền sử dụng đất diện tích 219m^2 (đo đạc thực tế là 205,6m^2) thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Phan Văn P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 7.465.600 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm L được miễn án phí.

Bị đơn ông Phan Văn P phải chịu số tiền 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008092 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do bà Nguyễn Thị Bé D nộp thay).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết